

Chuyên đề 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

I- SỰ THỐNG TRỊ, BÓC LỘT CỦA THỰC DÂN, PHONG KIẾN VÀ CÁC PHONG TRÀO ĐẤU TRANH YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Chính sách thống trị của thực dân Pháp và tình cảnh lầm than của nhân dân Việt Nam

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thế giới diễn ra nhiều sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến cách mạng Việt Nam:

Thứ nhất, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh, chuyển sang giai đoạn tư bản độc quyền - chủ nghĩa đế quốc, mở rộng sự bành trướng, xâm chiếm thuộc địa. Sự tăng cường xâm lược thuộc địa dẫn đến mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa các nước đế quốc và là nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918). Chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra khi thực dân Pháp đã cơ bản đặt được ách thống trị lên Việt Nam. Pháp là nước tham chiến, nên nhân dân các nước thuộc địa của Pháp, trong đó có Việt Nam, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh.

Thứ hai, Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 do VI. Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo giành thắng lợi đã đưa nước Nga đi theo con đường xã hội chủ nghĩa và trở thành ngọn cờ, nguồn cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Đây là cuộc cách mạng có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình tìm đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và cách mạng Việt Nam.

Thứ ba, tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) được thành lập, đã tập hợp, lãnh đạo và ủng hộ các tổ chức, giai cấp vô sản trên thế giới, nhân dân các nước thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc để giải phóng giai cấp, giành độc lập dân tộc, đấu tranh đòi tự do, dân chủ.

Thứ tư, ngay trong lòng các nước tư bản, cuộc đấu tranh giai cấp để xóa bỏ áp bức, bóc lột giai cấp diễn ra mạnh mẽ, với sự ra đời của các đảng cộng sản ở Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản...; phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc; cuộc Duy tân Minh Trị năm 1868 (Nhật Bản), Cách mạng Tân Hợi năm 1911 (Trung Quốc) cũng bùng nổ, tác động đến cách mạng Việt Nam.

Ở Việt Nam, ngày 01/9/1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng đánh chiếm bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), mở đầu quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Trước những yêu sách của quân viễn chinh Pháp, nhà Nguyễn từng bước nhân nhượng, ký kết các hiệp ước: Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862) công nhận ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) thuộc chủ quyền của Pháp; Hiệp ước Giáp Tuất (năm 1874) công nhận chủ quyền của Pháp tại sáu tỉnh Nam Kỳ và lệ thuộc Pháp về mặt ngoại giao; Hiệp ước Hác-măng (năm 1883) thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Sự thất bại của phong

trào Cần Vương (1885 – 1896) và phong trào đấu tranh yêu nước của các tầng lớp nhân dân trước sự xâm lược của thực dân Pháp, cùng sự bạc nhược của nhà Nguyễn đã kết thúc thời kỳ độc lập của nhà nước quân chủ Việt Nam. Việt Nam trở thành nước “thuộc địa và phong kiến”¹, chịu sự đô hộ, bóc lột của thực dân Pháp.

Về chính trị, với chính sách “chia để trị”, thực dân Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền nhà Nguyễn. Sau Hiệp ước Pa-tơ-nôt (năm 1884), Pháp chia Việt Nam thành ba xứ, với ba chế độ cai trị khác nhau: Bắc Kỳ là xứ nửa thuộc địa, nửa bảo hộ, đứng đầu là Thống sứ; Trung Kỳ là xứ bảo hộ, cho triều Nguyễn kiểm soát trên danh nghĩa, đứng đầu là Khâm sứ người Pháp; Nam Kỳ là xứ thuộc địa, đứng đầu là Thống đốc người Pháp. Năm 1887, thực dân Pháp thành lập Liên bang Đông Dương bao gồm Campuchia và ba xứ: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ của Việt Nam. Năm 1893, bằng việc sáp nhập thêm Lào vào Liên bang Đông Dương, thực dân Pháp đã cơ bản hoàn thành quá trình xâm lược, áp đặt ách đô hộ thực dân lên bán đảo Đông Dương, trong đó có Việt Nam.

Về kinh tế, năm 1897 thực dân Pháp bắt đầu tiến hành chương trình khai thác thuộc địa², với nhiều thủ đoạn như: thiết lập nền tài chính - ngân hàng; đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến, công nghiệp khai khoáng (khai mỏ)³; xây dựng, mở mang hệ thống đường giao thông⁴ phục vụ mục tiêu vơ vét tài nguyên.

Thực dân Pháp còn tăng cường chiếm đoạt, cướp ruộng đất để lập đồn điền⁵, tạo ra một tầng lớp địa chủ mới làm chỗ dựa để bóc lột nhân dân; nắm độc quyền xuất khẩu, ngoại thương; đặt ra nhiều loại thuế mới⁶..., nhằm đem lại lợi nhuận nhanh và lớn. Các chính sách khai thác, bóc lột của thực dân Pháp đã du nhập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam, song làm mất cân đối cơ cấu nông - công nghiệp, đẩy nhanh quá trình bán rẫy hóa nông dân, dẫn đến nền kinh tế Việt Nam ngày càng nghèo nàn, lạc hậu và dần phụ thuộc chặt chẽ vào chính sách của Pháp.

Về văn hóa, xã hội, cùng với các chính sách cai trị về chính trị, kinh tế, thực

¹ Thuật ngữ “thuộc địa và phong kiến” được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong tác phẩm Thường thức chính trị, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1954 (xem Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.8, tr.254).

² Thực dân Pháp đã tiến hành hai chương trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam: Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 – 1929).

³ Sản lượng ngành khai thác than không ngừng tăng: năm 1922 là 990.000 tấn, năm 1924 là 1.236.000 tấn, đến năm 1929 tăng lên 1.972.000 tấn (Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930 – 1954), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, quyển 1 (1930 - 1945), tr.39).

⁴ Tính đến năm 1930, Việt Nam có 2.300 km đường sắt, 15.000 km đường bộ (Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930 - 1954), Sdd, quyển 1 (1930 – 1945), tr.40).

⁵ Năm 1900 có 301.000 ha ruộng đất bị chiếm đoạt, năm 1927 - 1928, Pháp đầu tư tới 600 triệu phrăng cho việc lập các đồn điền cao su (Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh- Viện Lịch sử Đảng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930 – 1954), Sdd, quyển 1 (1930 – 1945), tr.38).

⁶ Năm 1897, thực dân Pháp tăng thuế thân mỗi suất đinh lên 2 đồng so với thời kỳ nhà Nguyễn độc lập: ở Trung Kỳ, mỗi suất đinh phải nộp 2,3 đồng (tương ứng giá 1 tạ gạo lúc đó); ở Bắc Kỳ là 2,5 đồng và người chết không được miễn thuế mà người sống phải đóng thay theo số định đã ghi trong sổ thuế của làng. Đối với thuế ruộng có các loại: ruộng hạng nhất nộp 1,5 đồng/mẫu; hạng nhì nộp 1,1 đồng/mẫu; hạng ba nộp 0,8 đồng/mẫu, trong đó diện tích mỗi mẫu đều bị giảm từ 4.970 m² trong thời kỳ nhà Nguyễn độc lập xuống còn 3.600m² để tăng diện tích ruộng phải đóng thuế (Xem Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên): Lịch sử Việt Nam, 1858 - 1945, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, t.II, tr.127, 129).

dân Pháp tăng cường bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ của nhân dân thuộc địa: kiểm duyệt gắt gao mọi hoạt động báo chí tuyên truyền, hạn chế tối đa sự tiếp thu văn hóa của nhân dân, cũng như việc mở mang các trường học; xây dựng nhiều nhà tù để bắt bớ, giam cầm những người có ý đồ chống đối lợi ích của Pháp... Bên cạnh đó, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” về giáo dục, đầu độc về văn hóa, ép nhân dân ta sử dụng rượu và thuốc phiện, “cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó, chỉ có vắn vắn 10 trường học”⁷, nhằm làm suy nhược giống nòi, có tới 90% dân số Việt Nam mù chữ. Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ đó là một nền giáo dục “ngu dân triệt để”⁸. Dưới sự cai trị của thực dân Pháp, các tệ nạn xã hội không ngừng gia tăng. Thâm độc hơn, thực dân Pháp còn áp dụng chính sách chia rẽ các dân tộc, gây mâu thuẫn giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số nhằm phá hoại khối đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam.

Chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm biến đổi mạnh mẽ đời sống xã hội ở Việt Nam: “1- Chủ nghĩa tư bản xuất hiện ở Việt Nam; 2- Chế độ phong kiến của Việt Nam đã bị thu hẹp và xã hội phong kiến Việt Nam đã mất tính chất thuần túy phong kiến; 3- Nước Việt Nam mất hẳn quyền độc lập, bị phụ thuộc vào nước Pháp về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa và không thể thống nhất; 4- Những hình thức áp bức, bóc lột của thực dân và phong kiến, nửa phong kiến kết hợp lại, đè lên các tầng lớp nhân dân Việt Nam, đặc biệt là công nông, một cách hết sức nặng nề; 5- Lực lượng kinh tế tiềm tàng của Việt Nam không thể phát triển, nước Việt Nam không thể trở nên giàu mạnh”⁹.

Trong bối cảnh đó, xã hội Việt Nam nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản, cần được giải quyết: một là mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ; hai là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược. Trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược là mâu thuẫn chủ yếu và cần giải quyết trước hết. Bên cạnh đó, ngoài sự tồn tại các giai cấp cũ là địa chủ, nông dân đã bị phân hóa, xuất hiện các giai tầng mới như giai cấp công nhân, giai cấp tư sản, tầng lớp tiểu tư sản. Mỗi giai tầng, bộ phận đều có thái độ chính trị, vai trò khác nhau trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

2. Các phong trào đấu tranh yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở Việt Nam

Ngay khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, nhân dân ta đã kiên cường đứng lên kháng chiến. Các phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp với các khuynh hướng khác nhau phát triển sôi nổi, rộng khắp cả nước.

Phong trào yêu nước theo lập trường phong kiến

Với việc ký Hiệp ước Pa-tơ-nôt, triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, tuy vậy, bộ phận quan lại chủ chiến yêu nước đã tiếp tục cùng nhân dân đứng lên đấu tranh vũ trang chống Pháp. Tháng 7/1885, Tôn Thất Thuyết, dưới danh nghĩa vua Hàm Nghi, đã ban chiếu Cần Vương kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên

⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.40, 106

⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.40, 106

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr.67-68.

kháng Pháp. Hưởng ứng lời kêu gọi, hàng chục cuộc khởi nghĩa nổ ra rộng khắp cả nước. Ở Bắc Kỳ có khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892) của Nguyễn Thiện Thuật; khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) của Tống Duy Tân, Cầm Bá Thước, Hà Văn Mao;... Ở Trung Kỳ có khởi nghĩa của Nguyễn Xuân Ôn (1885 – 1887); khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896) của Phan Đình Phùng, Cao Thắng; khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887) của Phạm Bành, Đinh Công Tráng; khởi nghĩa của Đào Doãn Địch, Mai Xuân Thưởng (1885 - 1887), Nguyễn Duy Hiệu (1885 - 1887)... Phong trào Cần Vương (1885 - 1896) gồm hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất từ khi có chiếu Cần Vương đến khi vua Hàm Nghi bị bắt (tháng 11/1888); và giai đoạn thứ hai kéo dài tới khi khởi nghĩa Hương Khê thất bại (năm 1896). Phong trào gây nhiều tổn thất cho thực dân Pháp, tuy nhiên cuối cùng đều bị đàn áp và đi đến thất bại.

Trước khi phong trào Cần Vương xuất hiện, đã có nhiều cuộc khởi nghĩa do các võ quan triều Nguyễn, các lãnh tụ nông dân khởi xướng chống lại thực dân Pháp. Ở Nam Kỳ, cuộc kháng chiến do Trương Định lãnh đạo nổ ra ngay khi Pháp đánh chiếm thành Gia Định (năm 1859); sau Hiệp ước Nhâm Tuất (năm 1862), ông chống lệnh triều đình, tiếp tục chiêu mộ binh sĩ để chống thực dân Pháp. Từ khi khởi binh cho đến khi hy sinh tháng 8/1864, Trương Định lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nhận được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, gây nhiều tổn thất cho thực dân Pháp. Ở Bắc Kỳ, phong trào nông dân Yên Thế (1884 - 1913) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, tập hợp đông đảo nông dân tham gia xây dựng lực lượng, lập căn cứ, kiên cường chiến đấu trong gần 30 năm, gây nhiều tổn thất cho thực dân Pháp. Đây là phong trào có thời gian tồn tại lâu nhất, địa bàn hoạt động từ trung du đến đồng bằng Bắc Bộ. Tuy nhiên, do lực lượng ngày càng suy hao, cuộc khởi nghĩa Yên Thế bị thực dân Pháp đàn áp và chính thức chấm dứt sau khi Hoàng Hoa Thám mất (tháng 02/1913).

Sự thất bại của các cuộc khởi nghĩa kể trên đã chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp mang tư tưởng phong kiến đối với phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thất bại là do hạn chế về đường lối đấu tranh: đặt lợi ích của giai cấp lên trên lợi ích của dân tộc, của nhân dân nên không huy động được sự đồng lòng, ủng hộ của toàn dân; các cuộc khởi nghĩa diễn ra lẻ tẻ, tự phát, thiếu sự liên kết giữa các phong trào, không phát huy được sức mạnh đoàn kết nên nhanh chóng bị dập tắt.

Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản

Một trong những khuynh hướng mới xuất hiện trong phong trào yêu nước Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX là khuynh hướng dân chủ tư sản. 1) Nhóm do các sĩ phu yêu nước (Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh); 2) Nhóm do tầng lớp tư sản, địa chủ lớp trên; 3) Nhóm do các trí thức tiểu tư sản (Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính...).

Năm 1904, Phan Bội Châu thành lập các tổ chức cách mạng Duy Tân hội (ở Quảng Nam), Hội Cống hiến (ở Tôkiô), cơ quan liên lạc và Công hội Thương đoàn (ở Hồng Kông), phát động phong trào Đông Du (1905 - 1908) đưa thanh niên, học sinh sang Nhật học. Năm 1908, thực dân Pháp cấu kết với Chính phủ Nhật trục xuất những người Việt Nam đang học tại Nhật về nước, khiến phong trào Đông Du chấm dứt. Năm 1912, ông thành lập Việt Nam Quang Phục hội với tôn chỉ đánh

đuổi giặc Pháp, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam và tổ chức một số vụ ám sát quan lại tay sai Pháp¹⁰ để gây thanh thế. Năm 1924, Phan Bội Châu dự định cải tổ Việt Nam Quang Phục hội thành Việt Nam Quốc dân Đảng theo mô hình của Tôn Trung Sơn nhưng không thành công¹¹. Mặc dù đã xác định được đúng mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam, song việc Phan Bội Châu xác định dựa vào Nhật để chống Pháp, thiết lập nền cộng hòa, thực chất vẫn chỉ là thay thế sự bóc lột từ giai cấp địa chủ sang giai cấp tư sản; hơn nữa, chủ trương dùng bạo động vũ trang của Phan Bội Châu lại không dựa vào hai giai cấp công nhân và nông dân - hai giai cấp bản cùng và là lực lượng cách mạng cơ bản của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, nên sự thất bại nhanh chóng của phong trào là tất yếu.

Khác với Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh chủ trương dựa vào người Pháp để phát triển kinh tế và giáo dục, để Việt Nam tự lực, tự cường, hội nhập thế giới văn minh rồi mới mưu cầu độc lập. Với khẩu hiệu “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, đòi thực hiện quyền dân chủ, Phan Chu Trinh và nhiều nhà yêu nước cùng chí hướng, tổ chức diễn thuyết kêu gọi nhân dân thay đổi lối sống, xây dựng nếp sinh hoạt văn minh, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội, nhằm giải thoát khỏi tư tưởng chuyên chế phong kiến; cổ động lập hội buôn bán, phát triển nghề thủ công nghiệp để phát triển kinh tế; cổ vũ tinh thần học tập, ủng hộ mở trường học. Xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh tuy đã góp phần nâng cao lòng yêu nước, được nhiều sĩ phu yêu nước hưởng ứng, nhưng do chủ trương đấu tranh mang tính cải lương, không phù hợp trong bối cảnh chính quyền phong kiến bạc nhược, Việt Nam vẫn đang chịu ách đô hộ của thực dân Pháp.

Phong trào do tầng lớp tư sản và địa chủ lớp trên tập hợp thành các cuộc vận động đòi “chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa” (năm 1919), chống độc quyền thương cảng Sài Gòn (năm 1923), đòi hưởng nghị định về thể lệ nhân công (năm 1924), chống độc quyền nước mắm (những năm 1920 - 1926), chống trục xuất người Trung Kỳ và Bắc Kỳ ra khỏi Nam Kỳ (năm 1925). Nhưng do các phong trào này chưa tổ chức thành hệ thống; hình thức đấu tranh chủ yếu là trên diễn đàn báo chí hoặc trong các kỳ tranh cử vào hội đồng thuộc địa, hội đồng thành phố; nội dung chủ yếu đòi Pháp ban hành một số cải cách về quyền tự do, dân chủ và ban bố một số quyền lợi kinh tế, nên khi bị thực dân Pháp đàn áp hoặc nhân nhượng một số quyền lợi, thì họ lại đi vào con đường đầu hàng, thỏa hiệp, thậm chí cộng tác chặt chẽ với Pháp để chống phá các phong trào cách mạng.

Tiến bộ hơn, phong trào do tầng lớp tiểu tư sản, tư sản lớp dưới và trí thức đã hình thành các tổ chức chính trị như: tổ chức Tâm Tâm xã (năm 1923) với các đại biểu Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong, Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu...; tổ chức Việt Nam nghĩa đoàn (năm 1925) của nhóm thanh niên yêu nước Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội, với một số đại biểu như Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai...; Hội kín Thanh niên cao vọng (năm 1926) do Nguyễn An Ninh xây dựng, với thành phần rất phong phú: nông dân nghèo, binh lính người Việt đi lính cho Pháp, điền chủ yêu nước, hương thân, hội tề, trí thức... Các phong trào này đấu tranh đòi mở

¹⁰ Tháng 4/1913, tổ chức ám sát Tuần phủ Thái Bình Nguyễn Duy Hàn và một số sĩ quan Pháp ở biên giới Việt - Trung (1914).

¹¹ Năm 1925, Phan Bội Châu lại bị thực dân Pháp bắt và giam lỏng tại Huế. Năm 1940, Phan Bội Châu từ trần.

rộng các quyền tự do, dân chủ, quyền tham gia các hoạt động chính trị như: thành lập nhiều nhà xuất bản như Nam Đồng thư xã (Hà Nội), Cường Học thư xã (Sài Gòn), Quan Hải tùng thư (Huế); ra nhiều báo chí tiến bộ như Chuông rền, *Người nhà quê*, *An Nam trẻ*... Đồng thời, có nhiều hoạt động chính trị gây tiếng vang lớn như: đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (năm 1925), lễ truy điệu và để tang Phan Chu Trinh, đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (năm 1926)... Cùng với đấu tranh chính trị, các phong trào do tầng lớp tiểu tư sản, tư sản lớp dưới và trí thức lãnh đạo còn tiến hành vận động văn hóa tiến bộ, tuyên truyền rộng rãi những tư tưởng tự do, dân chủ. Tuy nhiên, càng về sau, cùng sự thay đổi về điều kiện lịch sử, phong trào càng bị phân hóa mạnh. Một bộ phận đi sâu vào khuynh hướng chính trị tư sản như Nam Đồng thư xã; hoặc chuyển dần sang quỹ đạo cách mạng vô sản như Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam; hoặc hoạt động manh động, nghiêng về khủng bố cá nhân như Việt Nam Quốc dân Đảng (năm 1927) do Nguyễn Thái Học lãnh đạo.

Nguyên nhân chung dẫn đến sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản là do ảnh hưởng bởi giới hạn của nhận thức giai cấp tư sản ở Việt Nam, đó là: chưa xác định đúng mâu thuẫn cơ bản cần giải quyết, nên đường lối cứu nước, phương pháp tiến hành không đáp ứng được nguyện vọng nhân dân và xu hướng thời đại, vì vậy không huy động đúng lực lượng cách mạng cơ bản là giai cấp nông dân và công nhân. Bên cạnh đó, các cuộc đấu tranh diễn ra lẻ tẻ, không thống nhất do một giai cấp lãnh đạo.

Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản

Phong trào yêu nước theo tư tưởng vô sản ở Việt Nam được thể hiện rõ nét qua phong trào của giai cấp công nhân. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời vào đầu thế kỷ XX, trong quá trình thực dân Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa. Sự hình thành các khu công nghiệp tập trung, với nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ đồn điền ngày càng nhiều khiến cho số lượng công nhân tăng nhanh.

Bị bóc lột nặng nề, đời sống khó khăn, từ năm 1919 nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã nổ ra. Mặc dù hình thức đấu tranh còn tự phát, quy mô nhỏ, đòi những quyền lợi hàng ngày như tăng lương, giảm giờ làm, chống đánh đập,.. nhưng đã thể hiện sự phản kháng mạnh mẽ của công nhân: “Từ năm 1919 đến năm 1922 có 2.219 vụ công nhân bỏ việc, phá giao tron kèo, trung bình mỗi năm có 555 vụ... Tính chung trong vòng 7 năm (1919 – 1925) số vụ công nhân bỏ việc, phá giao kèo nhiều gấp hai lần so với công nhân hết hạn trở về làng¹². Năm 1922, công nhân, viên chức ở các sở thương nghiệp và đồn điền tư nhân Bắc Kỳ bãi công đòi nghỉ ngày chủ nhật. Tháng 11/1922, 600 thợ nhuộm ở

Chợ Lớn vì bị bớt lương đã bãi công với sự hưởng ứng của công nhân hàng chục cơ sở nhuộm khác. Năm 1923, bãi công nổ ra ở Nhà máy Ximăng Hải Phòng, tiếp đó các cuộc bãi công nổ ra ở nhiều trung tâm công nghiệp và đô thị lớn như Cẩm Phả, Hải Dương, Hà Nội, Nam Định, Biên Hòa. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: “Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa,... hãy ghi

¹² Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam (cuối thế kỷ XIX – 1954), Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003, tr.75.

lấy dấu hiệu đó của thời đại”¹³.

Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929), thực dân Pháp đầu tư vào các ngành kinh tế Việt Nam với tốc độ nhanh hơn và quy mô rộng hơn. Đến năm 1929 kể cả các doanh nghiệp cũ và mới, thực dân Pháp có 50 công ty nông nghiệp, 46 công ty công nghiệp, 19 công ty mỏ, 31 công ty thương nghiệp ở Việt Nam¹⁴. Số lượng công nhân cũng tăng lên: “Nếu như trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, đội ngũ công nhân Việt Nam mới có khoảng 10 vạn người thì đến đầu năm 1929, số công nhân thường xuyên làm trong các doanh nghiệp của tư bản Pháp là 221.052 người”¹⁵.

Công nhân Việt Nam thường phải làm việc 10 giờ một ngày, cá biệt tới 16 giờ một ngày, tiền công rẻ mạt, lại thường xuyên bị đánh đập tàn nhẫn, vì vậy họ có tinh thần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau. Sống và lao động tập trung, gắn liền với sự phân công chuyên môn hóa trong dây chuyền sản xuất công nghiệp đã rèn luyện cho công nhân ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần đoàn kết cao.

Trong thời gian này, phong trào công nhân Việt Nam chịu ảnh hưởng tích cực từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười và của Quốc tế Cộng sản, đồng thời chịu ảnh hưởng từ hoạt động của các tổ chức cách mạng có xu hướng vô sản, đặc biệt là từ tổ chức của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Phong trào công nhân thời kỳ này còn chịu ảnh hưởng tích cực từ quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam. Tại nhiều đô thị, các trung tâm công nghiệp, các chi bộ của tổ chức Thanh niên đã lập các tổ chức công hội, thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân làm cho phong trào công nhân có nhiều chuyển biến tích cực.

Tháng 8/1925, 1.000 công nhân xưởng Ba Son, Sài Gòn dưới sự lãnh đạo của Công hội Sài Gòn - Chợ Lớn đã tiến hành bãi công với yêu sách tăng lương cho công nhân lên 20%; bỏ lệ làm bù ngày lĩnh lương hai kỳ trong tháng; phải gọi các công nhân bị đuổi việc trong cuộc đình công tháng 7 trở lại làm việc. Được sự ủng hộ, cổ vũ của công nhân các sở, xưởng ở Sài Gòn, công nhân

Ba Son kiên trì đấu tranh. Đến ngày 12/8/1925, chủ xưởng phải nhượng bộ và chấp nhận tăng lương 10% cho công nhân, bỏ lệnh cắt 15 phút làm bù ngày lĩnh lương. Sau đó, công nhân Ba Son tiếp tục đấu tranh bằng hình thức lãn công, kéo dài việc sửa chữa tàu Misolê (Michelet), làm cho kế hoạch sử dụng chiến hạm Misolê đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân Trung Quốc không thực hiện được. Cuộc bãi công của công nhân Ba Son đã giành được thắng lợi sau gần 4 tháng đấu tranh kiên trì, đã có ý nghĩa to lớn, cổ vũ công nhân trong nước đấu tranh, đồng thời thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế. Trong hai năm 1926 – 1927, cả nước có 27 cuộc đấu tranh của công nhân¹⁶, tiêu biểu như: cuộc đấu tranh của công nhân Xí nghiệp Đầu máy xe lửa Dĩ An (tháng 4/1926), công nhân Nhà máy Cao su Sài Gòn (tháng 5/1926), công nhân đồn điền Cam Tiêm (tháng 12/1926)...

¹³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.123.

¹⁴ Xem P. Isoart: Le Phénomène national Vietnamine: De l'indépendance unitaire à l'indépendance fractionnée, Paris, 1961, p.182.

¹⁵ Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam (cuối thế kỷ XIX - 1954), Sđd, tr.54.

¹⁶ Xem Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Sử học, Tạ Thị Thúy (Chủ biên): Lịch sử Việt Nam, tập 8: từ năm 1919 đến năm 1930, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.538.

Từ tháng 9/1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chủ trương “vô sản hóa”, đưa hội viên vào các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ cùng lao động, sinh hoạt với công nhân để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, giác ngộ và tổ chức công nhân đấu tranh. Do đó, năm 1928, phong trào đấu tranh của công nhân liên tiếp nổ ra, tiêu biểu như cuộc đấu tranh của công nhân mỏ than Mạo Khê, Nhà máy Nước đá Luy Lâu, Sài Gòn, Nhà máy Xay Chợ Lớn, Đồn điền cao su Lộc Ninh, Nhà máy Cưa Bến Thủy, Nhà máy Xe lửa Tràng Thi, Nhà máy Dệt Nam Định, Xưởng sửa chữa ô tô Avia Hà Nội...

Ngày 28/7/1929, Công hội Đỏ Bắc Kỳ được thành lập, thể hiện bước trưởng thành của giai cấp công nhân. Phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam có biến chuyển, nhanh chóng cổ vũ hàng vạn công nhân vùng lên đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ.

Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và ngày càng trưởng thành nhanh chóng với ý thức đấu tranh chống áp bức giai cấp và áp bức dân tộc. Sở dĩ như vậy là vì giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm của giai cấp công nhân quốc tế như: cùng gắn với phương thức sản xuất công nghiệp tiên bộ nhất nên giai cấp công nhân có tính chất tiên tiến; là người lao động bị áp bức, bóc lột, sống tập trung ở các trung tâm kinh tế, có điều kiện tiếp thu tư tưởng mới nên giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để và có tính kỷ luật cao. Thực dân Pháp là kẻ thù của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là kẻ thù của giai cấp công nhân Việt Nam. Giai cấp công nhân Việt Nam còn mang những đặc tính: bị áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến và giai cấp tư sản nên công nhân Việt Nam có tinh thần cách mạng triệt để; giai cấp công nhân Việt Nam có nguồn gốc từ nông dân, có mối quan hệ mật thiết và tự nhiên với nông dân, là cơ sở khách quan thuận lợi cho khối liên minh công - nông - trí thức vững chắc; đội ngũ công nhân Việt Nam có lợi ích thống nhất với lợi ích của dân tộc và lợi ích của nông dân, trí thức và các tầng lớp yêu nước khác, tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết trong đấu tranh cách mạng. Giai cấp công nhân Việt Nam tiếp thu những tư tưởng tiên bộ, nhất là từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, nên có tinh thần đoàn kết quốc tế và đi theo con đường cách mạng vô sản.

II- LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Hành trình tìm con đường cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam thường xuyên phải đương đầu với những thế lực xâm lược lớn mạnh. Với tinh thần yêu nước nồng nàn, các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta liên tiếp diễn ra. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam bị bóc lột về kinh tế, bị nô dịch về văn hóa, chịu nỗi nhục của người dân mất nước. Độc lập, tự do là khát vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam, do vậy nhiệm vụ đứng lên đấu tranh giải phóng dân tộc, cứu nước, cứu dân được đặt ra vô cùng cấp thiết.

Cuối thế kỷ XIX, nhiều phong trào đấu tranh chống Pháp bị thất bại, tình hình “đen tối như không có đường ra”¹⁷. Nguyễn Ái Quốc sinh ra và lớn lên khi đất

¹⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.401.

nước Việt Nam đã trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, nhân dân phải chịu cảnh lầm than nên Người đã sớm hình thành ý chí “đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào”. Tận mắt chứng kiến các phong trào yêu nước và nhận thấy những hạn chế của các phong trào này, vì vậy tuy rất khâm phục tinh thần yêu nước của các thế hệ đi trước, song Nguyễn Ái Quốc không tán thành mà quyết tâm ra đi tìm con đường cứu nước mới.

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc kể lại với nhà báo - nhà thơ Liên Xô Ôxíp Mandenxtam (Osip Mandelstam): “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy.... Tôi quyết định tìm cách đi ra nước ngoài”¹⁸, “xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”¹⁹. Theo Nguyễn Ái Quốc, muốn tìm được con đường cứu nước thì trước hết phải hiểu về những kẻ đang cướp nước mình. Muốn đánh đổ được chủ nghĩa thực dân để giải phóng cho đồng bào thì trước hết phải hiểu được gốc rễ, bản chất của chủ nghĩa thực dân. Đây là sự khác biệt về nhận thức của Nguyễn Ái Quốc so với nhiều người Việt Nam đi sang nước Pháp lúc bấy giờ.

Ngày 05/6/1911, với tên là Văn Ba, Người rời bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn), bắt đầu hành trình đi tìm đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam.

Do được đi, được sống gần gũi với những người lao động ở nhiều châu lục, chủ động học hỏi, khảo sát, nghiên cứu thực tế, Nguyễn Ái Quốc đã hiểu rõ sự tàn bạo của thực dân, đế quốc và nguyện vọng, khao khát muốn độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức. Đây chính là cơ sở đầu tiên giúp Nguyễn Ái Quốc tiếp thu quan điểm đúng đắn về dân tộc, giai cấp, về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lênin sau này.

Cuối năm 1917, Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp và hoạt động tích cực trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào đấu tranh của công nhân Pháp. Năm 1919,

1. Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.16.

30

Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp, vì theo cách nhìn nhận của Người thì “đây là tổ chức duy nhất ở Pháp bên vực nước tôi, là tổ chức duy nhất theo đuổi tư tưởng cao quý của Đại Cách mạng Pháp”. Nguyễn Ái Quốc có dịp tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị nổi tiếng ở Pháp, tìm hiểu và hoạt động trong phong trào công nhân, trong Nhóm Những người yêu nước An Nam. Người nghiên cứu lý luận, viết báo, truyền đơn, tranh thủ các diễn đàn, các buổi mít tinh tố cáo thực dân xâm lược và tuyên truyền cho cách mạng Việt Nam. Người còn tham gia đấu tranh đòi quyền cho binh lính và công nhân An Nam được hồi hương.

Sống và làm việc trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc có những biến

¹⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.461.

¹⁹ Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd, tr.61.

chuyển theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Tháng 6/1919, nhân dịp các nước đế quốc thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp hội nghị ở Vécxây (Versailles), Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt Nhóm Những người yêu nước An Nam tại Pháp gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách* của nhân dân An Nam gồm 8 điểm, đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết cho dân tộc Việt Nam. Tuy bản *Yêu sách* không được chính quyền Pháp chấp nhận nhưng đã gây tiếng vang lớn, được ví như “quả bom” làm chấn động dư luận nước Pháp và được coi là “tiếng sấm mùa xuân” đối với những người yêu nước Việt Nam. Sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc và bản *Yêu sách* là nguồn động lực cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam và các dân tộc thuộc địa. Từ đây, ngay tại thủ đô nước Pháp, trên diễn đàn quốc tế có một người Việt Nam công khai đứng ra đòi quyền lợi chính đáng cho dân tộc mình. Bản *Yêu sách* trở thành dấu mốc quan trọng mở đầu quá trình Nguyễn Ái Quốc công khai đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Sự kiện này khiến Nguyễn Ái Quốc được Chính phủ Pháp “đặc biệt quan tâm”, cử đội ngũ mật thám theo dõi sát sao.

Tháng 7/1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin, lãnh tụ Cách mạng Tháng Mười Nga, đăng trên báo *Nhân đạo* số ra ngày 16 và 17/7/1920. Từ trong bản *Luận cương* của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc nhận thức thấy những vấn đề lớn lao của con đường giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Người tìm thấy điều mà bấy lâu nay Người khát khao tìm kiếm, đó là con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản. “*Luận cương* của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta. Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”²⁰.

Những luận điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn con đường phát triển sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc mà sau gần 10 năm tìm kiếm (1911 - 1920), Nguyễn Ái Quốc mới bắt gặp. Cũng từ đây, chủ nghĩa tại Mác - Lênin đã giúp Nguyễn Ái Quốc nhận thức thêm nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn về cách mạng Việt Nam và hình thành con đường cách mạng Việt Nam.

Như vậy, ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, cùng với tư tưởng của V.I. Lênin đã dẫn đến sự chuyển biến trong nhận thức cũng như trong hành động của Nguyễn Ái Quốc; Người tin và đi theo con đường của V.I. Lênin và Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc trở thành người Việt Nam đầu tiên tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, mở đường giải quyết sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Một sự kiện khác đặc biệt quan trọng đối với Nguyễn Ái Quốc và cách mạng Việt Nam là tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua (12/1920). Tại đây, Nguyễn Ái Quốc vừa là đảng viên Đảng Xã hội, vừa là người

²⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.562.

dân thuộc địa, đại biểu duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương tham dự và có phát biểu quan trọng liên quan đến vấn đề dân tộc thuộc địa. Trong phát biểu, Nguyễn Ái Quốc luôn nhấn mạnh về tình cảnh của người dân Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đề nghị các đảng viên Đảng Xã hội có những hành động thiết thực ủng hộ những người dân bản xứ đang bị bóc lột nặng nề. Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Đảng Xã hội Pháp, gia nhập Quốc tế Cộng sản. Ngay sau đó, Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản được thành lập, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp²¹.

Sự kiện này khẳng định rõ ràng sự lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin, lựa chọn con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa cộng sản, trở thành người chiến sĩ cộng sản quốc tế đầu tiên của Việt Nam. Từ đây, mở ra một chặng đường hoạt động lý luận, thực tiễn mới đầy sôi động của Nguyễn Ái Quốc để tìm mọi cách truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường cách mạng vô sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tiễn gần 10 năm (1911 - 1920) vừa lao động kiếm sống, vừa quan sát học hỏi và hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm lý luận và thực tiễn, tìm hiểu các cuộc cách mạng lớn trên thế giới, nhận thức rõ bạn - thù, bản chất của chủ nghĩa tư bản, thực dân; hiểu được tính chất nửa vời của các cuộc cách mạng tư sản; ý nghĩa, giá trị, sự triệt để của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Ra đi trong hoàn cảnh nước mất, nhà tan, với lòng yêu nước nồng nàn và khát vọng giải phóng nhân dân, Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tìm ra con đường cứu nước theo cách mạng vô sản. Đây cũng là khởi đầu cho bước ngoặt căn bản trong lịch sử và cách mạng Việt Nam.

2. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của chính đảng cách mạng ở Việt Nam.

Với việc xác định được con đường cách mạng đúng đắn để cứu nước, giải phóng dân tộc và trở thành người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục nghiên cứu, học tập để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của chính đảng cộng sản ở Việt Nam.

Về tư tưởng:

Nguyễn Ái Quốc vừa nghiên cứu lý luận, vừa tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nhằm tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân, đồng thời tuyên truyền tư tưởng Mác - Lênin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người đã viết bài đăng trên các báo như: *Le Paria* (Người cùng khổ), *L'Humanité* (Nhân đạo), *La Vie Ouvrière* (Đời sống công nhân), *La Revue Communiste* (Tạp chí Cộng sản), báo *Pravda* của Liên Xô, báo *Sự thật*, *Tạp chí Thư tín quốc tế*;... Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban nghiên cứu về

²¹ Đại hội lần thứ 19 Đảng Cộng sản Pháp (1970) khẳng định đồng chí Hồ Chí Minh là một trong những người sáng lập Đảng, giúp cho Đảng Cộng sản Pháp đi theo hướng chống chủ nghĩa thực dân, xây dựng truyền thống đoàn kết của Đảng với nhân dân thuộc địa.

Đông Dương.

Tháng 6/1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô, tại đây Người có điều kiện nghiên cứu sâu hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin, về Cách mạng Tháng Mười Nga và Nhà nước Xôviết. Trong thời gian hoạt động ở Liên Xô, Người tham dự và trình bày các tham luận tại Đại hội Quốc tế nông dân, Quốc tế thanh niên, Quốc tế phụ nữ, Quốc tế cứu tế đỏ,... Các bài tham luận của Người đã chỉ rõ sự cần thiết phải thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời tuyên truyền tư tưởng của V.I. Lênin soi sáng con đường cách mạng, con đường phát triển của cách mạng thuộc địa.

Đặc biệt, tại Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (họp từ ngày 17/6 đến ngày 08/7/1924), Người đã trình bày bản báo cáo rất quan trọng về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bằng nhiều số liệu và tư liệu cụ thể, bản báo cáo đã làm sáng rõ và phát triển một số luận điểm của V.I. Lênin về bản chất của chủ nghĩa thực dân, về nhiệm vụ của các đảng cộng sản trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột và giải phóng ở các thuộc địa. Năm 1925, cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp* được xuất bản lần đầu tiên ở Pari đã tố cáo, kết tội chế độ bóc lột, cai trị của thực dân Pháp đối với các nước thuộc địa, thức tỉnh nhân dân các dân tộc bị áp bức nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng.

Đây là sự chuẩn bị quan trọng về tư tưởng, lý luận cho quá trình thành lập Đảng, như Nguyễn Ái Quốc đã xác định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”²²

Về chính trị

Trên cơ sở nghiên cứu phong trào cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thừa và phát triển quan điểm của V.I. Lênin, những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc được thể hiện rõ nét trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, gồm các bài giảng của Người từ năm 1925 đến năm 1927 cho Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân. Người xác định, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc” có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở “chính quốc” mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Người chỉ rõ: ở nước nông nghiệp lạc hậu,

²² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.289.

nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công - nông làm động lực cách mạng: “công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông”²³. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng “là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”²⁴.

Về đảng cộng sản, Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”²⁵.

Phong trào “Vô sản hóa” do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát động từ ngày 29/9/1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, nhiệm vụ chính trị, rèn luyện cán bộ và phát triển tổ chức của công nhân.

Về tổ chức:

Ngay từ giữa năm 1923, trước khi sang Liên Xô, trong một bức thư gửi cho các bạn cùng hoạt động, Nguyễn Ái Quốc đã nói rõ ý định của mình: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”²⁶. Sau một năm rưỡi hoạt động ở Liên Xô, tháng 11/1924, Người về Quảng Châu (Trung Quốc) - nơi có rất đông người Việt Nam yêu nước, để chuẩn bị tổ chức thành lập chính đảng mácxít. Tháng 02/1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm Tâm xã, lập ra nhóm Cộng sản đoàn (có Lê Hồng Phong, Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Lưu Quốc Long, Trương Văn Lĩnh, Lê Quảng Đạt, Lâm Đức Thụ).

Tiếp đó, tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình, điều lệ của Hội với mục đích: để làm cách mạng dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hệ thống tổ chức của Hội gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Hội xuất bản tờ báo Thanh niên (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo), in bằng tiếng Việt và ra hằng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản, được bí mật đưa về nước. Ngày 21/6/1925, báo ra số đầu tiên.

Hội đã mở các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, lựa chọn một số thanh niên tích cực từ trong nước đưa sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, sau đó cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Từ giữa năm 1925 đến tháng 4/1927, Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện. Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu, có nhiều đồng chí được cử đi học tại Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Phùng Chí Kiên, Hà Huy Tập... và

²³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.288, 283, 289.

²⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.288, 283, 289.

²⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.2, tr.288, 283, 289.

²⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.1, tr.209.

Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc) như Nguyễn Sơn, Lê Thiết Hùng, Trương Văn Lĩnh...

Từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Ngoài ra, Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở ở Thái Lan, để mở rộng hoạt động tuyên truyền trong Việt kiều.

Cuối năm 1928, Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chủ trương “vô sản hóa” để rèn luyện hội viên và truyền bá tư tưởng vô sản, phát triển tổ chức và đẩy mạnh phát triển hội viên, đến năm 1929, số hội viên đã lên tới 1.500 người. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928, 1929 theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng đã thể hiện quan điểm lập trường của giai cấp công nhân và là tổ chức tiền thân dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở Việt Nam.

III- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI - BƯỚC NGOẶT VĨ ĐẠI CỦA CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Sự ra đời các tổ chức cộng sản ở Việt Nam

Trong hai năm 1928 - 1929, phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân và các tầng lớp trí thức, tiểu tư sản phát triển mạnh mẽ. Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin và những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, phong trào cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thành lập một chính đảng để lãnh đạo và tổ chức phong trào.

Tháng 3/1929, một số hội viên tiên tiến của Kỳ bộ Bắc Kỳ như Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu... đã họp tại nhà số 5D phố Hàm Long, Hà Nội để thành lập Chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Cuối tháng 3/1929, Kỳ bộ Bắc Kỳ đã thống nhất chủ trương thành lập một đảng cộng sản trong cả nước.

Tại Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (tháng 5/1929), đoàn đại biểu của Kỳ bộ Bắc Kỳ đưa ra ý kiến thành lập Đảng Cộng sản nhưng không được chấp nhận. Đoàn đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ rút khỏi Đại hội. Sự kiện đó đánh dấu sự phân hóa trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Ngày 17/6/1929, tại số nhà 312 phố Khâm Thiên, Hà Nội, các đại biểu của Kỳ bộ Bắc Kỳ họp, quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ, lấy cờ đỏ búa liềm làm đảng kỳ và ra báo Búa liềm, bầu Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và cử người vào Trung Kỳ, Nam Kỳ phát triển cơ sở... Đông Dương Cộng sản Đảng đã nhanh chóng mở rộng ảnh hưởng, thu hút được nhiều hội viên tham gia.

Trước ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng, Tổng bộ Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên và Kỳ bộ Nam Kỳ Việt Nam Cách mạng Thanh niên quyết định cải tổ những bộ phận còn lại thành tổ chức cộng sản. Tháng 8/1929, tại Sài Gòn, Châu Văn Liêm và một số hội viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên họp bàn chuẩn bị thành lập An Nam Cộng sản Đảng. Tháng 9/1929, Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng tại Trung Quốc được lập, xuất bản tờ báo *Đỏ* và *Tập san Bônso vích* làm cơ quan ngôn luận. Tháng 11/1929, An Nam Cộng sản Đảng quyết định thành lập Ban lâm thời chỉ đạo, trụ sở tại Sài Gòn để chỉ đạo các tổ chức trong nước. Sau khi được thành lập, An Nam Cộng sản Đảng đã nhanh chóng phát triển hệ thống tổ chức ra các tỉnh Nam Kỳ, tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin trong công nhân và nông dân, tổ chức các cơ sở của Đảng.

Cùng với sự phân hóa mạnh mẽ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và sự ra đời của hai tổ chức Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng, Tân Việt Cách mạng Đảng²⁷ cũng từng bước bị phân hóa. Tháng 9/1929, một số đảng viên cấp tiến của Tân Việt Cách mạng Đảng ra Tuyên đạt về việc thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Sau một thời gian chuẩn bị, cuối tháng 11/1929, Hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn được tổ chức²⁸. Cuối tháng 12/1929, quá trình thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã được hoàn tất.

Sự ra đời và hoạt động riêng rẽ của các tổ chức cộng sản trong năm 1929 phản ánh bước tiến về chất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản ở Việt Nam, phù hợp với xu thế và đáp ứng yêu cầu của lịch sử. Tuy nhiên, sự ra đời và hoạt động của ba tổ chức cộng sản dẫn đến sự phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức. Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng và cấp bách nhất lúc này là thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng.

b) Hội nghị thành lập Đảng

Ngay sau khi nhận được thông tin về tình hình cách mạng trong nước, Nguyễn Ái Quốc²⁹ đang hoạt động ở Xiêm về Hồng Kông nhằm tiến hành họp nhất các tổ chức cộng sản. Hội nghị họp nhất các tổ chức cộng sản “hợp vào ngày mùng 6/1... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8/2”³⁰. Hội nghị diễn ra trong nhiều buổi họp tại nhiều địa điểm khác nhau dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, có sự tham gia của hai đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng (Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu), hai đại biểu An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm, Nguyễn Thiệu)³¹. Sau sự kiện này, ngày 24/02/1930, đề nghị gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam của

²⁷ Ngày 14/7/1925, một số tù chính trị cũ ở Trung Kỳ và một số giáo viên, sinh viên của Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội lập ra Hội Phục Việt (Đảng Phục Việt) theo khuynh hướng quốc gia. Sau đó, dưới ảnh hưởng của khuynh hướng vô sản và tác động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Hội Phục Việt dần chuyển sang khuynh hướng vô sản với nhiều lần đổi tên là: Hội Hưng Nam (12/1925), Việt Nam Cách mệnh Đồng chí Hội (7/1927), cuối cùng là Tân Việt Cách mệnh Đảng (14/7/1928).

²⁸ Các đại biểu tham dự Hội nghị gặp nhau tối 28/12/1929 tại ga Chợ Thượng, Đức Thọ, Hà Tĩnh, được Nguyễn Xuân Thanh (Chất Bày) đón về nhà và hội nghị diễn ra tại nhà Nguyễn Xuân Thanh. Trong quá trình diễn ra Hội nghị, nhận thấy nguy cơ bị thực dân Pháp phát hiện, các đại biểu đã di chuyển sang địa điểm khác nhưng trên đường di chuyển thì bị lộ, ngày 01/01/1930, các đại biểu đều bị bắt tại bến đò Trai, Đức Thọ, Hà Tĩnh.

²⁹ Người dùng tên gọi là Thầu Chín.

³⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.2, tr.9-20. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960) quyết nghị lấy ngày 03/02/1930 dương lịch hằng năm làm Ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

³¹ Ngoài ra còn có hai người giúp việc cho Hội nghị là Lê Hồng Sơn và Hồ Tùng Mậu.

Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã được chấp nhận. Việc thống nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam được hoàn thành

Hội nghị bàn và thống nhất các nội dung lớn: Bỏ mọi thành kiến, xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam³²; thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Hội nghị xác định rõ tôn chỉ, mục đích của Đảng; về hệ thống tổ chức Đảng, thông qua Nghị quyết.

Bằng trí tuệ, uy tín, sự chủ động, chân thành, nhiệt huyết cách mạng và trách nhiệm của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị thành lập Đảng đã thành công. Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Cộng sản ngày 18/02/1930 cho biết: “Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản...”³³. Hội nghị thành lập Đảng có ý nghĩa như một Đại hội.

2. Cương lĩnh chính trị - đường lối chiến lược cách mạng, khoa học, đúng đắn của Đảng

Đường lối khoa học, đúng đắn của Đảng thể hiện qua những văn kiện có tính chất cương lĩnh mang tầm chiến lược mà Đảng đã hoạch định, ban hành và lãnh đạo thực hiện hơn 90 năm qua³⁴. Một trong những đặc điểm cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam là cùng với sự ra đời của Đảng, Đảng đã xây dựng được ngay những văn kiện mang tầm Cương lĩnh chính trị thể hiện bao quát con đường cách mạng Việt Nam. Hội nghị thành lập Đảng (02/1930) đã thông qua các văn kiện quan trọng, trong đó hai văn kiện *Chánh cương vắn tắt của Đảng và Sách lược vắn tắt của Đảng* thể hiện những nội dung cốt yếu nhất về con đường, tính chất, nhiệm vụ, lực lượng, mục tiêu... của cách mạng Việt Nam, được xác định là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Cương lĩnh bao gồm những nội dung chính:

Thứ nhất, xác định con đường của cách mạng Việt Nam. Đó là làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”³⁵. Mục tiêu chiến lược này chính là cuộc cách mạng nhằm giải quyết hai nhiệm vụ là giải

³² Tháng 10/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương; ngày 11/11/1945, Đảng tuyên bố “tự giải tán” nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật, chỉ đề một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương; tháng 02/1951, tại Đại hội đại biểu lần thứ II, Đảng quyết định ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam; đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12/1976), Đảng trở lại tên gọi là Đảng Cộng sản Việt Nam.

³³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr. 19-20.

³⁴ Đảng đã ban hành các cương lĩnh: Cương lĩnh chính trị đầu tiên tháng 02/1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thông qua tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Luận cương chính trị tháng 10/1930 do Trần Phú soạn thảo thông qua tại Hội nghị Trung ương tháng 10/1930; Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam thông qua tại Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (02/1951); Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6/1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (01/2011).

³⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr.2.

phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Hai nhiệm vụ đó gắn liền với nhau qua mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong đó, cách mạng giải phóng dân tộc là nhiệm vụ, bước đi đầu tiên, là cơ sở để tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh xác định nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt của cách mạng là “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”³⁶; “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Dựng ra Chính phủ công nông binh. Tổ chức ra quân đội công nông”³⁷. Trong đó, nhiệm vụ hàng đầu là đánh đuổi đế quốc xâm lược để giành độc lập cho dân tộc, trên cơ sở đó thực hiện các quyền tự do, dân chủ của nhân dân trên các phương diện cụ thể về xã hội, chính trị, kinh tế.

Thứ ba, về lực lượng cách mạng. Sách lược vắn tắt của Đảng chủ trương phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp vô sản. Phải thu phục được đông đảo quần chúng nông dân, phải dựa vào họ và đó là lực lượng đông đảo để đánh đổ địa chủ và phong kiến, phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) thoát khỏi quyền lực và ảnh hưởng của tư bản. Đồng thời, Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản, tiểu và trung địa chủ, đánh đổ bộ phận đã lộ mặt phản cách mạng. Cương lĩnh cũng chỉ rõ, phải cẩn trọng trong liên hệ với các giai cấp, không nhân nhượng lợi ích của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp, hy sinh quyền lợi cơ bản của công nông cho giai cấp khác³⁸. Việc xác định lực lượng cách mạng trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên phản ánh đúng đắn tính chất của xã hội Việt Nam cũng như đặc điểm của từng giai cấp, bộ phận trong xã hội đối với cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ. Đó cũng là cơ sở của chiến lược đại đoàn kết toàn dân của Đảng trong cách mạng Việt Nam.

Thứ tư, về phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc. Cương lĩnh khẳng định đấu tranh giải phóng dân tộc phải được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng, đồng thời chủ trương sử dụng sách lược vận động lôi kéo, nhất là đối với các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản.

Thứ năm, về đoàn kết quốc tế. Cương lĩnh nêu rõ: **Đ**ảng trong khi tuyên truyền khẩu hiệu nước An Nam độc lập, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp³⁹. Cương lĩnh xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Như vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao tinh thần quốc tế; chú trọng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế.

Thứ sáu, về vai trò lãnh đạo của Đảng. Cương lĩnh khẳng định: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp..., phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”⁴⁰.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ

³⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr.2.

³⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr.2.

³⁸ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr.4, 4-5.

³⁹ Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr.4, 4-5.

⁴⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.2, tr.4.

nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá đúng đắn mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, xác định rõ mâu thuẫn cơ bản của dân tộc Việt Nam cũng như thể hiện được khát vọng độc lập, tự do của nhân dân. Cương lĩnh phản ánh những nội dung cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh đã kết hợp hài hòa các vấn đề cơ bản, trước mắt và lâu dài, vừa phản ánh những nét phổ biến của cách mạng thuộc địa, vừa thể hiện đậm nét những đặc điểm của Việt Nam. Cương lĩnh đã đặt nền móng, cơ sở cơ bản và toàn diện cho quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Những nội dung, tư tưởng của Cương lĩnh dần được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định tính đúng đắn, đồng thời không ngừng được bổ sung, hoàn thiện trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng và trong quá trình phát triển của đất nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng khẳng định: Con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là “sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng”⁴¹.

Cương lĩnh có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc.

Về mặt lý luận: Cương lĩnh là văn kiện chính trị đầu tiên của Đảng, của cách mạng Việt Nam, phản ánh đúng quy luật phát triển của xã hội và đặc điểm của cách mạng Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới; đáp ứng những nhu cầu trước mắt, cấp bách và cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết hợp được mục tiêu trước mắt với định hướng lâu dài; định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng; là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của VI. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa, về phương pháp cách mạng... Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thể hiện sự đột phá và sáng tạo về mặt nhận thức, lý luận trong việc xác lập con đường đấu tranh giải phóng dân tộc, phát triển đất nước. Độc lập, tự do là tư tưởng cốt lõi, xuyên suốt của Cương lĩnh chính trị đầu tiên, chính là niềm tin và mong ước suốt cuộc đời của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Cương lĩnh đã trở thành cơ sở để xác lập đường lối cách mạng qua các thời kỳ lịch sử, chủ trương đại đoàn kết dân tộc của Đảng được xây dựng, hình thành trên nền tảng tư tưởng của Cương lĩnh...

Về mặt thực tiễn, lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng Việt Nam, có một bản cương lĩnh cách mạng phản ánh được quy luật khách quan và đáp ứng những nhu cầu cơ bản, cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Đặc biệt, với việc ưu tiên giải quyết nhiệm vụ dân tộc⁴², Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thể hiện rõ tính chất, thực tiễn của cách mạng Việt Nam, trở thành ngọn cờ tập hợp quần chúng đoàn kết đấu tranh, từng bước hiện thực hóa mục tiêu độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Cương lĩnh thể hiện trí tuệ, sự đúng đắn, sáng tạo, quyết đoán và bản lĩnh của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, đồng thời cho thấy một khát khao cháy bỏng, một quyết tâm mãnh liệt của người chiến sĩ cộng sản Nguyễn Ái Quốc trong hành trình đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh tính khoa học, tính đúng đắn

⁴¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, t.51, tr.13-14.

⁴² Đây là điểm khác biệt về quan điểm cách mạng giữa Nguyễn Ái Quốc với Quốc tế Cộng sản. Bởi Quốc tế Cộng sản ưu tiên nhiệm vụ dân chủ, đấu tranh giai cấp.

của Cương lĩnh. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là minh chứng đầu tiên cho tính đúng đắn, khoa học của đường lối cách mạng mà Cương lĩnh đề ra, khẳng định bản lĩnh, trí tuệ của Đảng, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

3. Ý nghĩa sự thành lập Đảng và vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Sự ra đời của Đảng là một bước ngoặt lớn và quan trọng trong tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Đảng ra đời chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng, chứng tỏ sự trưởng thành của giai cấp vô sản Việt Nam. Sự ra đời của Đảng đặt nền móng vững chắc cho việc xây dựng, củng cố truyền thống đoàn kết, trí tuệ, kỷ cương trong hoạt động, lãnh đạo của Đảng.

Quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò quyết định của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Người đã vận dụng sáng tạo quy luật ra đời của một chính đảng vô sản theo chủ nghĩa Mác - Lênin và nhận thức rõ các quy luật, các nhân tố đưa đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam; xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam, gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người, độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nêu rõ quan điểm về vấn đề tập hợp lực lượng, giải quyết mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ; xác định vai trò của giai cấp công nhân; xác định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương; sáng tạo trong phương pháp hợp nhất các tổ chức thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới, đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

HƯỚNG DẪN DẠY VÀ HỌC CHUYÊN ĐỀ 1

1. Mục đích của chuyên

Nội dung chương trình bồi dưỡng nhằm truyền tải thông điệp: “Đảng ta thật là vĩ đại”. Do vậy, nhiệm vụ nội dung từng chuyên đề phải dẫn dắt, đi đến khẳng định được thông điệp, hay nói cách khác, phải giải đáp và chứng minh được “Đảng ta thật là vĩ đại”. Ở Chuyên đề 1, nội dung nhằm chỉ rõ luận điểm lớn đầu tiên: Đảng ta vĩ đại bởi Đảng đã vươn lên giải quyết nhiệm vụ lịch sử là giải phóng dân tộc, trở thành đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam với đường lối đúng đắn, khoa học và phù hợp nhất. Cụ thể:

(1) Khái quát lịch sử dân tộc Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX (từ năm 1858) đến khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.

(2) Trên cơ sở đó, định hướng người học nắm bắt và hình thành tư duy lôgic, tổng quát những quy luật phát triển tự nhiên - xã hội trong tiến trình lịch sử dân tộc từ nửa cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa thực dân phương Tây thâm nhập. Xã hội Việt Nam trong thời kỳ lịch sử cận đại dưới chế độ áp bức, bóc lột của thực dân - phong kiến với nhiều chuyển biến trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Xã hội Việt Nam có sự phân hóa mạnh mẽ. Các mâu

thuần xã hội và yêu cầu giải quyết mâu thuẫn ngày càng bức thiết. Các phong trào yêu nước chống chủ nghĩa thực dân diễn ra liên tiếp dưới nhiều hình thức, bằng nhiều phương pháp đấu tranh theo nhiều khuynh hướng. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 với đường lối khoa học, đúng đắn là sự lựa chọn của lịch sử, phù hợp với xu thế của thời đại và đáp ứng yêu cầu của cách mạng 8 Việt Nam.

2. Nội dung kiến thức cần nắm

(1) Những thách thức của thời đại đối với Việt Nam trong bối cảnh nửa cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ, mở rộng quy mô xâm chiếm thị trường trên khắp các châu lục, họa mất nước từ nguy cơ đến hiện thực.

(2) Bối cảnh tình hình đất nước sau hai Hiệp ước năm 1883, 1884, Việt Nam rơi vào ách thống trị của thực dân Pháp, chịu sự chi phối, bóc lột tàn bạo của chế độ thực dân, nửa phong kiến. Nền kinh tế có sự chuyển biến nhất định, bên cạnh phương thức bóc lột phong kiến vẫn được duy trì và mang tính phổ biến, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã được thực dân Pháp du nhập nhằm phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa, tạo ra sự thay đổi về phương thức sản xuất, cơ cấu ngành, hạ tầng cơ sở kỹ thuật. Dù vậy, nền kinh tế Việt Nam vẫn lạc hậu, kém phát triển, thiếu cân đối, què quặt. Sự chuyển biến về kinh tế đưa tới sự chuyển biến về xã hội, làm phân hóa và xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới. Trong xã hội nổi lên hai mâu thuẫn lớn: mâu thuẫn giai cấp (giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ); mâu thuẫn dân tộc (giữa toàn thể nhân dân Việt Nam và thực dân Pháp). Tình cảnh xã hội Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp như trong màn đêm tăm tối không có đường ra.

(3) Vận dụng các quy luật về tự nhiên và xã hội, bước đầu hiểu và nắm những đặc điểm cơ bản, đặc trưng trong quá trình vận động và phát triển của các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Cụ thể:

Một là, ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân liên tục diễn ra, thể hiện tinh thần bất khuất, kiên cường của dân tộc. Tuy nhiên, ngọn cờ đấu tranh theo khuynh hướng phong kiến đã lạc hậu, không còn phù hợp. Các phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỷ XX mang đến hình thức đấu tranh mới mẻ đối với phong trào yêu nước ở Việt Nam nhưng không phù hợp với đặc điểm lịch sử - xã hội khi giai cấp tư sản, tiểu tư sản còn nhỏ yếu, hạn chế, chưa đủ sức đảm đương sứ mệnh của lịch sử. Quá trình phát triển và đấu tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam của khuynh hướng dân chủ tư sản và vô sản ở nước ta nhằm giải quyết yêu cầu lịch sử đặt ra trong những năm 20 - 30 của thế kỷ XX và quá trình vận động đưa tới sự ra đời của Đảng đã khẳng định tính đúng đắn của lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản.

Hai là, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của quá trình vận động hợp quy luật của sự kết hợp giữa ba yếu tố: chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng ra đời đã kết thúc giai đoạn khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đây là sự kiện lịch sử có ý nghĩa bước ngoặt, mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của

Đảng, nhân tố quyết định đầu tiên, cơ bản đối với những thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Đường lối của Đảng được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “chối lợi như mặt trời mới mọc, xé tan cái màn đen tối, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong”⁴³.

(4) Vai trò nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc được thể hiện thông qua các hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về nước, đã tổ chức, rèn luyện, giáo dục, đào tạo và chuẩn bị mọi điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), qua đó tạo được cảm xúc, tình cảm, sự thần phục, ngưỡng mộ, kính trọng một cách chân thực, tự nhiên; lan tỏa cảm xúc tích cực và niềm tin yêu chân thật về Đảng, về vị Lãnh tụ vĩ đại của dân tộc đối với mọi người xung quanh và trong xã hội.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày bối cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, những mâu thuẫn căn bản và yêu cầu đặt ra của lịch sử.

2. Trên cơ sở nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, hãy rút ra bài học vận dụng trong phong trào thi đua yêu nước ở Việt Nam hiện nay.

3. Vì sao Nguyễn Tất Thành lựa chọn hướng đi tìm con đường cứu nước khác các nhà yêu nước tiền bối? Sự kiện nào được coi là dấu mốc mang tính bước ngoặt trong quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc? 14. Phân tích đường lối cách mạng Việt Nam qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên năm 1930. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập năm 1930 có ý nghĩa gì đối với cách mạng Việt Nam?

5. Để Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành sự lựa chọn của lịch sử, Nguyễn Ái Quốc và những người cộng sản Việt Nam đã xúc tiến chuẩn bị những yếu tố nào? Trình bày nội dung cơ bản của những yếu tố đó.

⁴³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.401.